

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Phi Long, ông Hoàng Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Đinh Xuân Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hồng P (CCCD số 022094001911) Sinh ngày: 05/2/1994, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ĐKNKTT: Số nhà A đường N, khu C, phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông Phạm Hồng P1 và bà Nguyễn Thị T. Họ tên vợ: Phạm Thị P2, có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 16/9/2023 trả tự do ngày 05/02/2024; hiện tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Huy T1 (CCCD số 030090008246) Sinh ngày: 17/9/1990, tại B, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông Vũ Huy Q và bà Lê Thị C. Họ tên vợ: Hoàng Thị C1. Có 03 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 16/9/2023 trả tự do ngày 05/02/2024; hiện tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn B, sinh năm 1995, địa chỉ: Khu F phường H, M, Quảng Ninh. (hiện ở số nhà F ngõ A, đường Y, khu E, K, M, Quảng Ninh). Có mặt

- Anh Mai Thủy C2, sinh năm 1997, địa chỉ: Khu B phường K, M, Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị C1, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (vợ bị cáo T1), có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hồng P làm nghề chạy bè mảng chở hàng trên vùng biển T, M, tỉnh Quảng Ninh. Vào giữa tháng 8/2023, có 1 người đàn ông tự xưng tên là D (P không rõ lai lịch, địa chỉ, cũng chưa gặp mặt bao giờ) liên lạc qua ứng dụng T2 đặt vấn đề thuê P đón, chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam với tiền công là 15.000.000 đồng/chuyến, P đồng ý.

Khoảng hơn 06 giờ ngày 11/9/2023, D liên lạc với P qua ứng dụng Telegram thông báo có 04 người Trung Quốc nhập cảnh bằng đường biển tại khu vực biển T, M, bảo P cho bè ra đón chở vào giao lại cho người nhận (có số điện thoại 0366780325) tại khu vực phường B, M. Sau đó, P liên lạc với Nguyễn Văn H (sinh ngày: 04/5/1984, trú tại: Khu Đ, phường T, M, Quảng Ninh) có bè ở T, M nhờ H đi đến khu vực biển "Phao Vàng", Trà C3 đón 04 người khách chở về bãi biển B nhưng P không nói cho H biết đó là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tiếp đó, P nhờ Vũ Văn T3 (sinh ngày: 25/02/1989, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh) đón 02 người khách là Tăng Tuế C4, Lý Bồi C5 là người Trung Quốc chở từ bờ biển B đến rừng phi lao gần bờ biển giao cho P nhưng không nói cho T3 biết đó là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép; 02 người Trung Quốc còn lại P không rõ D tổ chức đưa đi như thế nào.

Sau khi nhận người do T3 chở đến, P liên lạc với có số điện thoại 0366780325 (khi bị bắt xác định là Vũ Huy T1) để giao Tăng Tuế C4, Lý Bồi C5 thì T1 thông báo thay đổi địa điểm giao nhận đến khu vực công khách sạn H2, M. Khoảng 09 giờ cùng ngày, P điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 14A - 456.28 đến điểm hẹn, gọi điện thoại hỏi đặc điểm xe, vị trí xe T1 đỗ, sau đó P điều khiển xe ô tô đỗ cạnh xe ô tô của T1, cho Tăng Tuế C4, Lý Bồi C5 xuống xe đi lên xe ô tô của T1 rồi đi về nhà. Sau khi nhận được 02 người Trung Quốc nêu trên, T1 tiếp tục điều khiển xe ô tô chở họ đến Trạm thu phí V thuộc phường V, thành phố H thì bị bắt. vì trước đó khoảng 22 giờ ngày 10/9/2023, T1 được Nguyễn Đình D1 (sinh ngày: 25/11/1996, trú tại: xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên) liên lạc qua ứng dụng zalo, thuê T1 đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào M rồi chở đến tỉnh Hải Dương sẽ được nhận tiền công là 2.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các đối tượng: Nguyễn Đình D1 ở thôn B, xã P, P, Hưng Yên, Mai Văn H1 và Nguyễn Văn H nhưng đều vắng mặt tại địa phương nên chưa làm rõ được.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSQN-P1 ngày 27/02/2024 của Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Hồng P và Vũ Huy T1, về tội: *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hai bị cáo thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* là đúng, không oan. Lời khai của bị cáo tại Công an là chính xác, khách quan.

Quan điểm của người liên quan:

Anh Trần Văn B đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato màu trắng 14A - 456.28 cho anh, vì anh là người cho thuê xe để sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo.

Chi Hoàng Thị C1, đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander Cross, màu nâu, biển kiểm soát 34A – 671.13.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: tại phiên tòa hai bị cáo thừa nhận bị Viện kiểm sát truy tố về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” là đúng, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra. Nên về tội danh Viện kiểm sát giữ nguyên như bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Hồng P và Vũ Huy T1 mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng, trả lại anh Trần Văn B 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato màu trắng biển kiểm soát 14A - 456.28. Trả lại chị Hoàng Thị C1 và bị cáo T1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander Cross, màu nâu, biển kiểm soát 34A – 671.13. Trả lại bị cáo P 01 điện thoại di động.

Hai bị cáo không tranh luận với Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì hoàn cảnh khó khăn, không hiểu biết pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Hai người có liên quan vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ, xét thấy họ đã được trình bày ý kiến, quan điểm trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt không ảnh hưởng việc xét xử. Căn cứ điều 292 BLTTHS Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tội danh: căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra vì lời khai của bị cáo này là chứng cứ trực tiếp chứng minh hành vi của bị cáo kia. Lời khai của người liên quan (*những người Trung Quốc*), nhân chứng, kết quả nhận dạng, kết quả xác minh, vật chứng, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, dữ liệu điện tử và một số chứng cứ khác. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận. Theo quy định của điều 3, điều 5, điều 20 Luật xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam thì người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh vào Việt Nam đều phải có các giấy tờ cần thiết và phải làm thủ tục tại cửa khẩu. Nhưng vì vụ lợi sáng ngày 11/09/2023, tại khu vực biển T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Hồng P và Vũ Huy T1 đã tổ chức cho 02 người Trung Quốc là Tăng Tuế C4 và Lý Bôi C5 nhập cảnh vào Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý trong công tác xuất nhập cảnh của nhà nước Việt Nam, nên hai bị cáo đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” đúng như truy tố của Viện kiểm sát.

[3] Tình tiết tăng nặng: không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Gây thiệt hại không lớn. Tham gia với vai trò giúp sức cho Nguyễn Đình D1.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên việc không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, và của bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về vật chứng: quá trình điều tra có thu giữ của bị cáo Phạm Hồng P:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Xs Max) màu đen, đã qua sử dụng, + 02 sim;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng 12 Pro Max) màu vàng, đã qua sử dụng, + 01 sim;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, + 01 sim;

- 01 (một) ô tô nhãn hiệu KIA Cerato, màu trắng, biển kiểm soát 14A – 456.28, xe đã qua sử dụng + 01 chìa khóa. Số khung: RNYBC41A6LC179065; Số máy: G4FGKH756083

* Thu của Vũ Huy T1:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng, + 01 sim;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, + 02 sim;

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Vũ Huy T1

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander Cross, màu nâu, biển kiểm soát 34A – 671.13, xe đã qua sử dụng + 01 chìa khóa. Số khung: MK2XRNC1WPN001582; Số máy: 4A91KBG7392.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato màu trắng 14A - 456.28 là thuộc sở hữu của anh Trần Văn B, nhưng anh B cho Mai Thủy C2 thuê sử dụng. sau đó C2 cho bị cáo P mượn, anh B và anh C2 không biết P dùng xe vào việc phạm tội, nên trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato màu trắng 14A - 456.28 cho anh Trần Văn B.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 34A-671.13 là tài sản thuộc sở hữu chung của bị cáo T1 và vợ là chị Hoàng Thị C1. Đây là phương tiện mưu sinh kiếm sống hàng ngày của hai vợ chồng bị cáo T1, nên trả lại bị cáo T1 và vợ bị cáo T1. Các giấy tờ tùy thân của bị cáo T1 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

[6] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Phạm Hồng P và Vũ Huy T1 đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”

Áp dụng: khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1;2 điều 51, điều 58, điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng P **15 (Mười lăm)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30 (Ba mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Hồng P cho UBND phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vũ Huy T1 **15 (Mười lăm)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30 (Ba mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Huy T1 cho UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự.

+ Trả lại người liên quan là anh Trần Văn B 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato màu trắng biển kiểm soát 14A - 456.28 Số khung: RNYBC41A6LC179065; Số máy: G4FGKH756083 + 01 chìa khóa.

+ Trả lại bị cáo Vũ Huy T1:

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Vũ Huy T1

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Vũ Huy T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật mang tên Vũ Huy

T1.

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện, mang tên Vũ Huy T1.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 04 điện thoại di động.

+ Tịch thu tiêu hủy 06 sim điện thoại di động Gắn liền điện thoại bị tịch thu.

+ Trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander Cross, màu nâu, biển kiểm soát 34A - 671.13. Số khung: MK2XRNC1WPN001582; Số máy:

4A91KBG7392 + 01 chìa khóa cho chị Hoàng Thị C1 (vợ bị cáo T1) và bị cáo Vũ Huy T1.

+ Trả lại bị cáo Phạm Hồng P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng 12 Pro Max) màu vàng, đã qua sử dụng, + 01 sim.

Tình trạng vật chứng, như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 58 ngày 04-03-2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh với Công an tỉnh Q.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho hai bị cáo, người liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường